

ĐẶC ĐIỂM VIỆC LÀM CỦA CỬ NHÂN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT KHÓA ĐẠI HỌC 47 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TS. Nguyễn Thị Xuân Phương

ThS. Nguyễn Thị Thu Quyết

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh

Tóm tắt: Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy, đặc biệt là sử dụng phương pháp phỏng vấn, chúng tôi đã tìm hiểu được đặc điểm việc làm của cử nhân ngành Giáo dục thể chất các khóa Đại học 47 của Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh trên địa bàn thành phố Hà Nội, qua đó có cái nhìn tổng quát về tình trạng việc làm của cử nhân ngành giáo dục thể chất (GDTC) sau 1 năm tốt nghiệp.

Từ khóa: Việc làm, cử nhân, GDTC, Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh.

Abstract: By means of routine scientific research methods, especially using the interview method, we have learned about the employment characteristics of bachelors of Physical Education at University of the North University 47 Ninh in the city of Hanoi, which gives an overview of the employment status of graduates of the GDTC after one year of graduation.

Keywords: Employment, bachelor, physical education, Bac Ninh University of Sport.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo đại học và việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp ở nước ta hiện đang là vấn đề xã hội mang tính thời sự, tạo nên những thách thức gay gắt đối với giáo dục và đào tạo đại học. Mỗi năm, trên cả nước có hơn 600.000 sinh viên ra trường, tỷ lệ cử nhân chưa tìm được việc làm trong 3 tháng đầu tiên sau khi tốt nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê là hơn 40%. Tỷ lệ cử nhân thất nghiệp vẫn lên tới hàng trăm nghìn người mỗi năm. Theo công bố của Viện Khoa học Lao động và Xã hội, trong quý I năm 2017, cả nước có hơn 1,1 triệu người thất nghiệp giảm 8.300 người so với quý IV năm 2016 nhưng lại tăng 29.500 người so với cùng kỳ năm 2016, trong đó số người lao động thất nghiệp có trình độ đại học trở lên là 138.800 người.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, thể dục thể thao (TDTT) không chỉ đơn thuần là TDTT mà còn có sự kết hợp, đan xen với nhiều ngành nghề như: Thể thao với Văn hoá, với Du

lich, với kinh tế, chính trị... với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Chính vì vậy nhu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực TDTT ngày càng lớn và đa dạng, đòi hỏi sinh viên tốt nghiệp các cơ sở đào tạo TDTT cần phải được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn, có năng lực đa dạng và khả năng thích ứng cao.

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là một trong 5 trường Đại học TDTT của nước ta đào tạo nguồn nhân lực TDTT có chất lượng cao. Số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm vào khoảng 1.500 người, cung cấp nguồn nhân lực TDTT cho cả nước, đặc biệt là khu vực phía Bắc. Chính vì vậy việc tìm hiểu: *Đặc điểm việc làm của cử nhân ngành Giáo dục thể chất khóa Đại học 47 của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trên địa bàn thành phố Hà Nội* là cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy sau:

- Phương pháp tham khảo và tổng hợp tài liệu.

- Phương pháp phỏng vấn.
- Phương pháp toán học thống kê.

* Trong bài viết, chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp đến 30 cán bộ quản lý trong Trường và ngoài trường, 26 cử nhân ngành GDTC các khóa Đại học 47 của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh hiện đang công tác tại Hà Nội. Phiếu phỏng vấn được xây dựng với 7 câu hỏi tương ứng 24 biến số nhằm thu thập các dữ liệu phản ánh đặc điểm việc làm của cử nhân ngành GDTC. Thời điểm khảo sát sau 1 năm tốt nghiệp (năm 2016).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thông qua tham khảo và tổng hợp tài liệu kết hợp trao đổi trực tiếp với các chuyên gia có kinh nghiệm thu thập số liệu về đặc điểm việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại các trường đại học, chúng tôi đã lựa chọn được 7 câu hỏi với 24 tiêu chí đánh giá đặc điểm việc làm của cử nhân ngành GDTC khóa Đại học 47 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phiếu phỏng vấn gồm 2 phần: Thông tin cá nhân và thông tin về đặc điểm việc làm. Trong đó, chúng tôi tập trung vào phần đặc điểm việc làm. Để đánh giá mức độ khả thi và độ tin cậy của bảng hỏi, chúng tôi tiến hành gửi phiếu phỏng vấn về mức độ phù hợp của các câu hỏi trong phiếu phỏng vấn tới

30 chuyên gia trong và ngoài trường về lĩnh vực quản lý đào tạo và điều tra xã hội học, trong đó có 25 chuyên gia trong Trường gồm 3 Phó Giáo sư, 17 Tiến sĩ và 5 Thạc sĩ; 05 chuyên gia ngoài Trường gồm các Tiến sĩ về lĩnh vực điều tra xã hội học đến từ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. Các chuyên gia trả lời theo 3 mức: Rất phù hợp; phù hợp và không phù hợp. Kết quả cho thấy, cả 7 câu hỏi với 24 biến số đưa ra đều được các chuyên gia lựa chọn để sử dụng trong phiếu phỏng vấn về tình trạng, đặc điểm việc làm của cử nhân ngành GDTC với số phiếu rất phù hợp từ 76,67% - 100%. Bên cạnh đó, qua trao đổi với các chuyên gia, chúng tôi được biết, cấu trúc logic của phiếu phỏng vấn cùng với các câu hỏi dễ hiểu chính là sự ưu việt của phiếu phỏng vấn mà chúng tôi đã xây dựng và là 1 trong những yếu tố quan trọng giúp chúng tôi thu về được số liệu chân thực và có độ tin cậy cao.

Sau khi phiếu phỏng vấn đã được các chuyên gia đánh giá độ tin cậy, chúng tôi tiến hành điều tra tình trạng và đặc điểm việc làm của cử nhân ngành GDTC khóa Đại học 47 hiện đang công tác tại Hà Nội. Tổng số phiếu phát ra là: 26; tổng số phiếu thu về là 26. Kết quả được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm việc làm của cử nhân ngành Giáo dục thể chất khóa Đại học 47 trên địa bàn thành phố Hà Nội

STT	Nội dung		Đại học 47 (n = 26)	
			m _i	%
1	Thời gian tìm được việc làm	Dưới 6 tháng	12	46,15
		Từ 6 - 12 tháng	14	53,85
2	Các kênh thông tin tìm việc	Nhà trường giới thiệu	0	0,00
		Bạn bè, người quen giới thiệu	15	57,69
		Trung tâm giới thiệu việc làm	0	0,00
		Hội chợ việc làm	0	0,00
		Thông qua quảng cáo của đơn vị tuyển dụng	9	34,62
		Tự tạo việc làm	2	7,69

3	Khu vực làm việc	Nhà nước	12	46,15
		Tổ chức tư nhân	14	53,85
		Liên doanh với nước ngoài	0	0,00
4	Vị trí việc làm	Giáo viên GDTC	8	30,77
		Cán bộ chuyên môn về TDDT	5	19,23
		Hướng dẫn viên TDDT	10	38,46
		Các loại khác	3	11,54
5	Mức độ phù hợp của công việc với ngành đào tạo	Rất phù hợp	8	30,77
		Phù hợp	15	57,69
		Không phù hợp	3	11,54
6	Thời gian làm việc trong tuần	Ít hơn 40 giờ	18	69,23
		Từ 40 giờ trở lên	8	30,77
7	Mức thu nhập bình quân theo tháng tính theo tiền Việt Nam	Dưới 2 triệu	0	0,00
		Từ 2 - dưới 4 triệu	15	57,69
		Từ 4 - 6 triệu	11	42,31
		Trên 6 triệu	0	0,00

Qua Bảng 1 cho thấy:

- Đặc điểm đầu tiên phản ánh đặc điểm việc làm của cử nhân ngành GDTC khóa Đại học 47 trên địa bàn thành phố Hà Nội là thời gian sinh viên tốt nghiệp đã bỏ ra để tìm được một công việc tính từ thời điểm ra trường. Thời điểm có việc làm biểu hiện khả năng tiếp cận và đáp ứng yêu cầu từ thị trường lao động của sinh viên tốt nghiệp. Khả năng kết nối nhanh nhạy và trang bị đủ kiến thức, kỹ năng, phương pháp và kinh nghiệm làm việc sẽ sớm mang lại một công việc phù hợp với nhu cầu, và ngược lại. Kết quả phỏng vấn phản ánh 46,15% cử nhân có việc làm trong thời gian dưới 6 tháng; 53,85% là có việc làm từ 6 - 12 tháng. Như vậy, những cử nhân có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp rõ ràng đã có mối liên hệ với môi trường làm việc mà họ hướng tới. Điều này phản ánh thực tế, một bộ phận đáng kể sinh viên đã sớm có định

hướng công việc của bản thân ngay trong thời gian học tập tại Trường.

- Về các kênh thông tin tìm việc: kênh thông tin chủ yếu để tìm kiếm việc làm của các cử nhân chính là thông qua bạn bè, người quen giới thiệu với tỷ lệ 57,69%, tiếp đến là thông qua quảng cáo của đơn vị tuyển dụng với tỷ lệ 34,62%; cuối cùng là tự tạo việc làm chiếm tỷ lệ thấp nhất với 7,69%, các kênh thông tin còn lại như Nhà trường giới thiệu, Trung tâm giới thiệu việc làm hay Hội chợ việc làm chưa được các cử nhân chú ý tới.

- Xác định khu vực làm việc của cử nhân ngành GDTC có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá tiềm năng cũng như phản ánh nhu cầu thực tế của thị trường đối với nguồn lao động. Các kết quả khảo sát cho thấy sức thu hút mạnh mẽ của môi trường làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân khi có tới 53,85% cử nhân

ngành GDTC đang làm việc trong khu vực này. Tiếp đến là các cơ quan hành chính sự nghiệp của nhà nước thu hút 46,15%. Mặt khác, qua trao đổi với các cử nhân chúng tôi được biết, các khu vực làm việc trong cơ quan hành chính sự nghiệp của Nhà nước mà các cử nhân tìm được chủ yếu thông qua bạn bè, người quen giới thiệu, còn ở khu vực doanh nghiệp tư nhân là thông qua quảng cáo tuyển dụng.

- Về vị trí việc làm cho thấy, sinh viên tốt nghiệp chủ yếu làm ở các vị trí: Hướng dẫn viên TDĐT và Giáo viên GDTC với tỷ lệ 38,46% và 30,77%, tiếp đến là cán bộ chuyên môn về TDĐT với tỷ lệ 19,23% và các vị trí khác chiếm tỷ lệ 11,54%. Điều này cũng khá phù hợp với vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp đã được Nhà trường xác định trong chuẩn đầu ra của ngành.

- Một trong những minh chứng cho hiệu quả hoạt động đào tạo là sự phù hợp giữa chuyên môn được đào tạo ở đại học với công việc của sinh viên tốt nghiệp. Đây đồng thời cũng là kỳ vọng khi tìm kiếm việc làm của bất kỳ sinh viên tốt nghiệp nào trong quá trình tham gia vào thị trường lao động. Các kết quả thống kê phản ánh thực tế là có 30,77% và 57,69% sinh viên tốt nghiệp trả lời công việc hiện tại ở mức “rất phù hợp” và “phù hợp” với những gì họ đã được học ở trường đại học. Tỷ lệ sinh viên trả lời “Không phù hợp” chiếm tỷ lệ 11,54%. Như vậy, có thể nhận thấy mặc dù có hơn một nửa số sinh viên tốt nghiệp có thể xem như bước đầu đã tìm được các công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo thì còn có một bộ phận không nhỏ sinh viên đang phải làm các công việc được xem là “trái ngành, trái nghề” họ được đào tạo ở thời điểm mới tốt nghiệp ra trường và các cử nhân này đều đang công tác tại công ty liên doanh với nước ngoài và các doanh nghiệp tư nhân.

- Về thời gian làm việc trong tuần: Kết quả cho thấy, tỷ lệ cử nhân làm việc ít hơn 40 giờ trong tuần chiếm tỷ lệ cao: 69,23%, chủ yếu ở các vị trí giáo viên TDĐT, cán bộ chuyên môn TDĐT và một số ít là hướng dẫn viên TDĐT. Tỷ lệ cử nhân có công việc với thời gian làm từ 40 giờ trở lên trong tuần là 30,77% với các vị trí công việc khác và hướng dẫn viên TDĐT tại các doanh nghiệp tư nhân.

- Về mức thu nhập: Thu nhập là một trong những đặc điểm nghề nghiệp luôn được quan tâm trong các điều tra thông tin việc làm. Thông tin về mức thu nhập mang nhiều ý nghĩa. Mức thù lao các ông chủ trả cho người lao động phản ánh kinh nghiệm làm việc, khả năng đáp ứng yêu cầu của công việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp, mức độ ứng dụng các kiến thức được đào tạo ở đại học vào thực tiễn cũng như phản ánh đặc trưng môi trường làm việc sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả cho thấy, số lượng cử nhân có mức thu nhập từ 2 triệu - dưới 4 triệu đồng trên 1 tháng chiếm tỷ lệ cao đạt 57,69% và không có cử nhân nào có thu nhập trên 6 triệu.

Như vậy, qua phiếu phỏng vấn, chúng tôi đã tìm hiểu được một số đặc điểm việc làm của cử nhân ngành GDTC khóa Đại học 47 hiện đang công tác tại thành phố Hà Nội như: Đặc điểm về thời gian tìm việc, các kênh thông tin tìm việc, khu vực, vị trí việc làm, mức độ phù hợp của công việc với ngành đào tạo và thời gian, mức thu nhập bình quân.

KẾT LUẬN

1. Tỷ lệ cử nhân có việc làm sau 6 tháng - 1 năm chiếm tỷ lệ lớn, tuy nhiên một bộ phận không nhỏ cử nhân có việc làm từ 1 - 6 tháng sau tốt nghiệp đã phản ánh thực tế là các cử nhân đó đã sớm có định hướng công việc của bản thân ngay trong thời gian học tập tại Trường.

2. Kênh thông tin chính để tìm việc của các cử nhân hiện đang công tác tại Hà Nội chính là thông qua bạn bè, người quen giới thiệu và thông qua quảng cáo của đơn vị tuyển dụng với khu vực làm việc chính là tại các doanh nghiệp tư nhân.

4. Vị trí việc làm của các cử nhân chủ yếu là hướng dẫn viên TDTT và giáo viên GDTC với mức độ phù hợp với ngành đào tạo chiếm tỷ lệ cao.

5. Mức thu nhập trong một tháng dao động từ 2 - 6 triệu đồng chiếm tỷ lệ lớn và ngày càng tăng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, *Chuẩn đầu ra của ngành Giáo dục thể chất*.
2. *Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam số 9, 10, 11, 12, 13 của quý I, II, III, IV năm 2016 và quý I năm 2017*, Tổng Cục thống kê, Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Công văn số 4806/BGDĐT - GDĐH ngày 28/9/2016 về việc “*Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp*”.
4. Trần Thị Kim Thu (2012), *Giáo trình Điều tra xã hội học*, Nxb Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.